

Số: 293/2023/QĐ-PT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Lại Huỳnh Tú

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Tú Oanh

Bà Trần Thị Thủy

Thư ký ghi biên bản: Bà Đỗ Từ Thanh Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Mộng Linh - Kiểm sát viên.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 980/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 192, điểm h khoản 1 Điều 217, Điều 218 và Điều 219 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 143/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Địa chỉ: Tầng 1,2 Tòa nhà C, số 111A D, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền:

- Bà NNTT;

- Ông NTV,

- Ông TAT;

Cùng địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà S, số 26 UVK, Phường 25, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền số 129205.22 lập ngày 22/11/2022)

2. *Bị đơn*: Ông TTB, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số 4/106A đường ĐCB, ấp 2, xã TTN, A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà PTTS;

Địa chỉ: Số 4/106A đường ĐCB, ấp 2, xã TTN, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại đơn kháng cáo ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Ngân hàng TMCP B - nguyên đơn trong vụ án kháng cáo với nội dung:

Căn cứ hợp đồng tín dụng số 0969.HĐTD.VIB819.17 ngày 27/10/2017 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0969.KUNN.VIB819.17 ngày 27/10/2017, bị đơn ông TTB cung cấp địa chỉ cư trú tại số 4/106A (ĐCB) ấp 2, xã TTN, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với địa chỉ được cơ quan có thẩm quyền cấp, xác nhận trên hồ sơ pháp lý của khách hàng.

Tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 04/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định:

“1. Địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan” quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 được xác định như sau:

a) Nếu người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài vẫn còn quốc tịch Việt Nam trở về Việt Nam sinh sống thì nơi cư trú của họ là địa chỉ chỗ ở hợp pháp mà người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thường trú hoặc tạm trú hoặc đang sinh sống theo quy định của Luật cư trú;

...

2. Người khởi kiện đã cung cấp địa chỉ “nơi cư trú, làm việc, hoặc nơi có trụ sở” của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho Tòa án theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn tại khoản 1 Điều này tại thời điểm nộp đơn khởi kiện mà được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp, xác nhận hoặc có căn cứ khác chứng minh rằng đó là địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì được coi là đã ghi đúng địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015...”

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định:

“2. Trường hợp sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được thông báo

về việc thụ lý vụ án do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không còn cư trú, làm việc hoặc không có trụ sở tại địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp thì Tòa án giải quyết như sau:

a) Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan...”

Căn cứ những quy định trên cho thấy Toà án nhân dân huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 143/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với lý do “Người khởi kiện không cung cấp được địa chỉ của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo yêu cầu của Toà án, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự” là không có cơ sở, không đúng quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng phúc thẩm căn cứ điểm c khoản 5 Điều 314 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tuyên hủy quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để tiếp tục giải quyết vụ án.

XÉT THẤY:

Về hình thức:

Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 980/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh tổng đạt hợp lệ cho Ngân hàng TMCP B ngày 21 tháng 11 năm 2022.

Ngày 25 tháng 11 năm 2022, Ngân hàng TMCP B nộp đơn kháng cáo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự nêu trên và đã tiến hành thủ tục nộp tạm ứng án phí phúc thẩm.

Việc kháng cáo của Ngân hàng TMCP B nằm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

Về nội dung:

Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 01 năm 2022, Ngân hàng TMCP B yêu cầu ông TTB, sinh năm 1982; địa chỉ: 4/106A ấp Nhị Tân, xã TTN, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 07/9/2021 là 294.900.736 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 0969.HĐTD.VIB819.17 ký ngày 27/10/2017.

Hợp đồng tín dụng số 0969.HĐTD.VIB819.17 ký ngày 27/10/2017 giữa Ngân hàng TMCP B với ông TTB, thể hiện thông tin địa chỉ của ông TTB tại số 4/106A ấp NT, xã TTN, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo kết quả xác minh ngày 14/3/2023 của Công an xã TTN, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận: “Đương sự Trần Thanh Bình, sinh năm 1982 có hộ khẩu thường trú tại 4/106A Tổ 90, ấp 2, xã TTN, huyện A nhưng hiện tại không có mặt tại địa phương”.

Tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 04/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định:

“1. Địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan” quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 được xác định như sau:

a) Nếu người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài vẫn còn quốc tịch Việt Nam trở về Việt Nam sinh sống thì nơi cư trú của họ là địa chỉ chỗ ở hợp pháp mà người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thường trú hoặc tạm trú hoặc đang sinh sống theo quy định của Luật cư trú;

...

2. Người khởi kiện đã cung cấp địa chỉ “nơi cư trú, làm việc, hoặc nơi có trụ sở” của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho Tòa án theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn tại khoản 1 Điều này tại thời điểm nộp đơn khởi kiện mà được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp, xác nhận hoặc có căn cứ khác chứng minh rằng đó là địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì được coi là đã ghi đúng địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015...”

Tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định:

“1. Trường hợp trong đơn khởi kiện người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng

địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo hướng dẫn tại Điều 5 Nghị quyết này thì Tòa án phải nhận đơn khởi kiện và xem xét thụ lý vụ án theo thủ tục chung.

2. Trường hợp sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không còn cư trú, làm việc hoặc không có trụ sở tại địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp thì Tòa án giải quyết như sau:

a) Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;”

Như vậy, theo kết quả trả lời xác minh của Công an xã TTN, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh về tình trạng cư trú của ông TTB thì trong trường hợp này được coi là ông TTB cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án nhân dân huyện A phải tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Từ những lý lẽ đã viện dẫn, Hội đồng phúc thẩm xét kháng cáo chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, chấp nhận đơn kháng cáo của Ngân hàng TMCP B về việc hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 980/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh để tiếp tục giải quyết vụ án.

Về án phí: Do hủy quyết định sơ thẩm bị kháng cáo nên Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào điểm c khoản 5 Điều 314 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của Ngân hàng TMCP B:

1.1. Hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 980/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Giao toàn bộ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 80/2023/TLPT - DS ngày 15/02/2023, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về cho Tòa án nhân dân huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm được giải quyết lại khi vụ án được giải quyết lại.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2022/0015544 ngày 22/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (T/15).

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Lại Huỳnh Tú